TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH ĐẮK LẮK	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/DSPT

Ngày 28- 4- 2022

V/v *Tranh chấp tiền chi phí đào ao*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2022/TLPT- DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp tiền chi phí đào ao",

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DSST ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Krông Năng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2022/QĐPT-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2022/QĐPT ngày 18/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn A (tên gọi khác T1), sinh năm 1967; bà Lại Thị Thùy D, sinh năm 1967; trú tại: Thôn LB, xã PL, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);

2. Bị đơn: Ông Huỳnh T, sinh năm 1985; trú tại: Thôn LT, xã PL, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phan Văn Đ, bà Hồ Thị Thanh T2; trú tại: Thôn LT, xã PL, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

3.2. Ông Huỳnh D1, sinh năm 1936; bà Trần Thị N, sinh năm 1942; trú tại: Thôn LT, xã PL, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

4. Người làm chứng: Ông Bế Ích L, sinh năm 1964; trú tại: Thôn LB, xã PL, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

5. Người kháng cáo: Ông Nguyễn A, bà Lại Thị Thùy D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Nguyên đơn trình bày:***

Vào ngày 17/01/2012, ông Huỳnh D1, bà Trần Thị N (gọi tắt là vợ chồng ông D1) và ông Huỳnh T viết "Giấy chứng nhận cho con trai và dâu múc hồ chứa nước để tưới cà phê suốt đời" để vợ chồng ông Nguyễn A, bà Lại Thị Thùy D (gọi tắt là vợ chồng ông A), được sử dụng ao chứa nước tưới cà phê, việc tặng cho này là tặng cho được sử dụng ao để tưới nước chứ không tặng cho quyền sử dụng đất. Thời điểm ban đầu ao chứa nước có diện tích khoảng 50m^2, sau khi được tặng cho thì vợ chồng ông A có thuê ông Bế Ích L mở rộng ao chứa nước tưới có diện tích 750m^2 (bao gồm cả diện tích mặt hồ và bờ hồ), tiền thuê xe múc ao: 29 giờ x 650.000 đồng/giờ = 18.850.000 đồng và chi phí ăn uống, nước non cho công thợ 1.150.000 đồng. Tổng cộng là 20.000.000 đồng. Năm 2013, vợ chồng ông D1 tặng cho ông Huỳnh T phần diện tích đất 6.550m^2 (trong phần diện tích đất này có phần diện tích ao chứa nước của vợ chồng ông A), ngày 30/9/2013 ông Huỳnh T được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BN 589317 đối với thửa đất nêu trên (việc vợ chồng ông D1 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T thì vợ chồng ông A có biết, nhưng không biết vợ chồng ông D1 sang tên quyền sử dụng đất cho ông T).

Tháng 4/2016, ông T chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Phan Văn Đ, bà Hồ Thị Thanh T2 (gọi tắt là vợ chồng ông Đ). Khi vợ chồng ông A biết được việc ông T chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Đ thì vợ chồng ông A có ra UBND xã PL để hỏi sự việc thì UBND xã PL có hướng dẫn cho vợ chồng ông A cùng vợ chồng ông Đ tự thỏa thuận với nhau. Sau đó, giữa vợ chồng ông A với vợ chồng ông Đ có bàn bạc và viết giấy thỏa thuận đề ngày 11/4/2016 với nội dung: *"Vợ chồng ông Đ tiếp tục cho vợ chồng ông A, bà D sử dụng ao để làm hồ tưới nước trong thời hạn 10 năm, nếu ai làm sai thì phải bồi thường 20.000.000 đồng"*, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện giữa vợ chồng ông A với vợ chồng ông Đ. Ông Huỳnh T không biết và không liên quan đến việc thỏa thuận này.

Cùng trong năm 2016, vợ chồng ông Đ chuyển nhượng một phần diện tích đất cho vợ chồng ông Dương N1, bà Huỳnh Thị M. Sau khi nhận chuyển nhượng ông N1, bà M không cho vợ chồng ông A sử dụng ao để tưới nên ông A đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk buộc vợ chồng ông Đ phải trả 20.000.000 đồng như đã thỏa thuận trong biên bản thỏa thuận ngày 11/4/2016.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã buộc vợ chồng ông Đ phải trả cho vợ chồng ông A số tiền 20.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 119/2019/DSPT ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã giữ nguyên án sơ thẩm. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông Đ đã thi hành đối với các bản án nêu trên, đã bồi thường cho vợ chồng ông A số tiền 20.000.000 đồng theo thỏa thuận ngày 11/4/2016.

Việc thỏa thuận giữa vợ chồng ông A, bà D với vợ chồng ông Đ, bà T2 hoàn toàn không liên quan đến ông T và ông T cũng không biết đến việc thỏa thuận này. Việc ông T cho rằng khoản tiền 20.000.000 đồng mà ông Đ, bà T2 đã trả cho vợ chồng ông A, bà D là chi phí múc ao là không đúng, vợ chồng ông A không đồng ý với ý kiến này của ông T.

Nay, ông A, bà D khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Huỳnh T phải trả cho ông A, bà D số tiền 20.000.000 đồng, đây là số tiền mà ông A, bà D đã chi trả cho việc thuê người mở rộng ao tưới nước.

Bị đơn ông Huỳnh T trình bày:

Ông Nguyễn A với ông Huỳnh T là anh em cùng mẹ khác cha. Vào khoảng năm 2012, vợ chồng ông D1 (là bố mẹ của ông A, ông T) có cho vợ chồng ông Nguyễn A mở rộng ao để làm hồ tưới, diện tích ao ban đầu khoảng 50m^2, sau đó vợ chồng ông A có thuê người mở rộng diện tích ao tưới (cụ thể mở rộng ra bao nhiêu thì ông T không nắm được), chi phí mở rộng ao thời điểm đó ông T có nghe vợ chồng ông A nói là khoảng 20.000.000 đồng. Năm 2013, vợ chồng ông D1 tặng cho ông T phần diện tích đất 6.550m^2 (trong phần diện tích đất này có phần diện tích ao chứa nước của vợ chồng ông A), ngày 30/9/2013 ông Huỳnh T được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BN 589317 đối với thửa đất nêu trên.

Vào tháng 4/2016, ông T chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho vợ chồng ông Đ. Khi vợ chồng ông A biết được việc ông T chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Đ thì vợ chồng ông A khiếu nại ra UBND xã PL. Sau đó, giữa vợ chồng ông A với vợ chồng ông Đ có bàn bạc, và viết giấy thỏa thuận với nhau: "Vì vợ chồng ông A, bà D đã bỏ chi phí ra để múc ao nên vợ chồng ông Đ tiếp tục cho vợ chồng ông A, bà D sử dụng ao để làm hồ tưới nước trong thời hạn 10 năm, nếu ai làm sai thì phải bồi thường 20.000.000 đồng".

Quá trình sử dụng ao tưới nước thì giữa vợ chồng ông A với vợ chồng ông Đ xảy ra tranh chấp nên vợ chồng ông A đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk buộc vợ chồng ông Đ phải trả 20.000.000 đồng như đã thỏa thuận trong biên bản thỏa thuận ngày 11/4/2016.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã buộc vợ chồng ông Đ phải trả cho vợ chồng ông A số

tiền 20.000.000 đồng như đã thỏa thuận và Bản án dân sự phúc thẩm số 119/2019/DSPT ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã giữ nguyên án sơ thẩm. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông Đ đã bồi thường cho vợ chồng ông A số tiền 20.000.000 đồng.

Do đó, chi phí múc ao 20.000.000 đồng đã được vợ chồng ông Đ trả cho vợ chồng ông A nên vợ chồng ông A không có quyền đòi ông T nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ, bà Hồ Thị Thanh T2 trình bày:***

Tháng 4/2016, ông T chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích 6.550m^2 cho vợ chồng ông Đ. Ngày 22/4/2016, vợ chồng ông Đ được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai chỉnh lý chủ sử dụng đất. Sau khi được cấp GCNQSD đất thì vợ chồng ông Đ, bà T2 làm thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng. Quá trình thực hiện việc thế chấp quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông A có ý kiến ra UBND xã PL và UBND xã PL đã dừng việc thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng của vợ chồng ông Đ lại. Sau đó, UBND xã PL hướng dẫn vợ chồng ông Đ với vợ chồng ông A tự hòa giải, thỏa thuận với nhau. Sau đó, giữa vợ chồng ông A với vợ chồng ông Đ có bàn bạc, và viết giấy thỏa thuận ngày 11/4/2016 với nội dung: "Tiếp tục cho vợ chồng ông A, bà D sử dụng ao để làm hồ tưới nước trong thời hạn 10 năm, nếu ai làm sai thì phải bồi thường 20.000.000 đồng". Vì vợ chồng ông A đã bỏ ra chi phí múc ao nên vợ chồng ông Đ đồng ý thỏa thuận tiếp tục cho vợ chồng ông A sử dụng ao trong thời hạn 10 năm, nếu không cho vợ chồng ông A sử dụng đủ 10 năm thì vợ chồng ông Đ phải trả 20.000.000 đồng. Việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, khi thỏa thuận chỉ có vợ chồng ông Đ với vợ chồng ông A.

Quá trình sử dụng ao tưới nước thì giữa vợ chồng ông A với vợ chồng ông Đ có tranh chấp. Vợ chồng ông A đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk buộc vợ chồng ông Đ phải trả 20.000.000 đồng như đã thỏa thuận trong biên bản thỏa thuận ngày 11/4/2016.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã buộc vợ chồng ông Đ phải trả cho vợ chồng ông A số tiền 20.000.000 đồng như đã thỏa thuận, và Bản án dân sự phúc thẩm số 119/2019/DSPT ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng đã giữ nguyên án sơ thẩm. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông Đ đã bồi thường cho vợ chồng ông A số tiền 20.000.000 đồng như quyết định của bản án.

Nay, vợ chồng ông A khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Huỳnh T phải trả cho vợ chồng ông A số tiền 20.000.000 đồng là chi phí múc ao hồ, thì vợ chồng ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Số tiền

20.000.000 đồng theo thỏa thuận giữa vợ chồng ông Đ với vợ chồng ông A đã được vợ chồng ông Đ bồi thường.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh D1, bà Trần Thị N trình bày:***

Ông Huỳnh D1, bà Trần Thị N là bố mẹ của ông Nguyễn A và ông Huỳnh T. Vào khoảng năm 2012, vợ chồng ông D1 có cho vợ chồng ông A sử dụng 01 cái ao để làm hồ tưới nước cho cà phê (diện tích ao ban đầu bao nhiêu thì ông D1, bà N không nhớ cụ thể). Sau đó, vợ chồng ông A có thuê người mở rộng diện tích ao tưới (cụ thể mở rộng ra bao nhiêu thì vợ chồng ông D1 không nắm được), chi phí mở rộng ao vào thời điểm đó có nghe vợ chồng ông A nói là 20.000.000 đồng. Năm 2013, vợ chồng ông D1 tặng cho ông Huỳnh T phần diện tích đất 6.550m^2 (trong phần diện tích đất này có phần diện tích ao chứa nước của vợ chồng ông A), ngày 30/9/2013 ông Huỳnh T được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BN 589317 đối với thửa đất nêu trên. Ngày 22/4/2016, ông T chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Phan Văn Đ, bà Hồ Thị Thanh T2.

Nay ông Nguyễn A, bà Lại Thị Thùy D khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Huỳnh T trả lại 20.000.000 đồng chi phí mở rộng ao thì vợ chồng ông Huỳnh D1, bà Trần Thị N không liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

****Người làm chứng ông Bế Ích L trình bày:***

Vào khoảng tháng 3/2012, vợ chồng ông A có thuê ông L mở rộng ao chứa nước tưới cà phê tại thôn LB, xã PL, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tổng thời gian múc ao cho vợ chồng ông A là 29 giờ, tiền công máy múc 01 giờ là 650.000 đồng, tổng số tiền là 29 giờ x 650.000 đồng/giờ = 18.850.000 đồng. Vợ chồng ông A đã trả đủ tiền công múc ao cho ông L. Ngoài ra, ông L không trình bày thêm nội dung nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DSST ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 315; Điều 701 Bộ luật Dân sự 2005 (sửa đổi bổ sung 2011);

- Căn cứ Điều 131 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn A, bà

Lại Thị Thùy D về việc buộc ông Huỳnh T phải trả cho ông Nguyễn A, bà Lại Thị Thùy D số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)* chi phí mở rộng ao chứa nước tưới.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/01/2022, nguyên đơn ông Nguyễn A, bà Lại Thị Thùy D kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 07/01/2022 của Toà án nhân dân huyện Krông Năng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của ông Nguyễn A và bà Lại Thị Thùy D là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn A, bà Lại Thị Thùy D và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DSST ngày 07 tháng 01 năm 2022 của TAND huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS là chưa chính xác mà cần xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp tiền chi phí đào ao" thuộc quan hệ tranh chấp khác theo quy định tại khoản 14 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn A và bà Lại Thị Thùy D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất là của vợ chồng ông D1 bà N. Ngày 17/01/2012, vợ chồng ông D1 và ông T có viết *"Giấy chứng nhận cho con trai và dâu múc hồ chứa nước để tưới cà phê suốt đời"* cho phép vợ chồng ông A được sử dụng ao làm hồ tưới nước, việc tặng cho này là tặng cho được sử dụng ao để tưới nước (không tặng cho quyền sử dụng đất). Thời điểm ban đầu ao chứa nước có diện tích khoảng 50m^2, sau khi được tặng cho thì vợ chồng ông A có thuê xe múc để mở rộng ao chứa nước, tiền công thuê người mở rộng ao là 20.000.000 đồng. Năm 2013, vợ chồng ông D1 tặng cho ông Huỳnh T phần diện tích đất 6.550m^2 (trong phần diện tích đất này có phần diện tích ao chứa nước của vợ chồng ông A). Ngày 30/9/2013, ông Huỳnh T được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BN 589317 đối với thửa đất nêu trên. Do vậy, có việc vợ chồng ông A thuê người để mở rộng ao chứa nước và chi phí mở rộng ao chứa nước là 20.000.000 đồng.

[2.2] Sau khi được cấp GCNQSD đất thì ngày 11/4/2016 vợ chồng ông T chuyển nhượng thửa đất có diện tích 6.550m^2 theo GCNQSD đất số BN 589317 do UBND huyện K cấp cho ông Huỳnh T vào ngày 30/9/2013 cho vợ chồng ông Đ, trong phần diện tích đất sang nhượng có diện tích phần ao nên giữa vợ chồng ông Đ với vợ chồng A xảy ra tranh chấp đối với quyền sử dụng ao chứa nước tưới. Sau đó, giữa vợ chồng ông A với vợ chồng ông Đ có bàn bạc và viết giấy thỏa thuận với nội dung: *"Đầu năm 2012 cha mẹ và em T có cho vợ chồng một đám đất, trong đó có một cái hồ nhỏ để vợ chồng tôi mở rộng 750m^2 lấy nước tưới lâu dài với số tiền là 20.000.000 đồng. Đến năm 2013 cha mẹ đã cắt cho em T một nửa rẫy trong đó có diện tích đất hồ của vợ chồng tôi, năm 2016 T chuyển nhượng rẫy cho ông Đ, bà T2 trong đó có liên quan đến cái hồ của vợ chồng tôi thì vợ chồng tôi và ông Đ bà T2 đã bàn bạc thỏa thuận, đồng ý cho vợ chồng tôi được sử dụng cái hồ đó với thời hạn là 10 năm, lúc đó vợ chồng tôi sẽ hoàn trả lại phần diện tích đất hồ cho người có quyền sử dụng, nếu ai làm sai với bản hợp đồng thỏa thuận thì phải hoàn trả lại số tiền mà vợ chồng tôi nói trên"*. Như vậy, theo văn bản thỏa thuận thì vợ chồng ông A đã bỏ ra chi phí múc ao 20.000.000 đồng nên vợ chồng ông Đ đồng ý thỏa thuận cho vợ chồng ông A sử dụng ao trong thời hạn 10 năm, nếu không cho vợ chồng ông A sử dụng đủ 10 năm thì vợ chồng ông Đ phải trả cho vợ chồng ông A số tiền 20.000.000 đồng nói trên. Qúa trình giải quyết vụ án ông Đ xác định tiền bồi thường 20.000.000 đồng chính là chi phí đào ao. Ông T cũng xác định việc ông A và bà D đã bỏ ra 20.000.000 đồng để mở rộng ao, khi ông T chuyển nhượng đất cho ông Đ bà T2 thì xảy ra tranh chấp với ông A, bà D. Để giải quyết vụ

việc nhanh chóng, ông A và ông Đ thỏa thuận để ông A sử dụng ao thêm 10 năm, nếu vi phạm phải bồi thường 20.000.000 đồng. Theo ông T 20.000.000 đồng này chính là chi phí đào ao. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án dân sự phúc thẩm số 119/2019/DSPT ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng đã buộc vợ chồng ông Đ trả cho vợ chồng ông A số tiền 20.000.000 đồng theo như các bên đã thỏa thuận và vợ chồng ông A xác định đã nhận đủ 20.000.000 đồng từ ông Đ. Do đó, chi phí 20.000.000 đồng múc ao chứa nước đã được vợ chồng ông Đ trả cho vợ chồng ông A, quyền lợi của vợ chồng ông A đã được đảm bảo. Vì vậy, việc vợ chồng ông A, bà D khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Huỳnh T phải trả cho ông A, bà D số tiền 20.000.000 đồng chi phí mở rộng ao chứa nước là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, bản án sơ thẩm đã bác đơn khởi kiện của ông A, bà D là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn A và bà Lại Thị Thùy D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn A và bà Lại Thị Thùy D không được chấp nhận nên ông A, bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn A, bà Lại Thị Thùy D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DSST ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] - Áp dụng khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 315; Điều 701 Bộ luật Dân sự 2005 (sửa đổi bổ sung 2011);
- Căn cứ Điều 131 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn A, bà Lại Thị Thùy D về việc buộc ông Huỳnh T phải trả cho ông Nguyễn A, bà Lại Thị Thùy D số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)* chi phí mở rộng ao chứa nước tưới.

[3]. Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn A, bà Lại Thị Thùy D phải chịu 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002832 ngày 19/5/2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn A, bà Lại Thị Thùy D tiếp tục phải nộp 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn A, bà Lại Thị Thùy D mỗi người phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà D đã nộp theo biên lai số AA/2021/0003247 và biên lai số AA/2021/0003246 cùng ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hằng